

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG



ĐỊA CHỈ: 02-HƯNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI: 070.3822583—070.3827777
FAX: 070.3829432
EMAIL: CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE: CAPNUOCVL.COM.VN



THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ :

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN TP.HCM**

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: (84-8) 3821 7713
Fax: (84-8) 3821 7452

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN IB (IBSC)**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Gelex, Số 52, Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5379

Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN I	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VĨNH LONG	1
1. Thông tin liên quan đến đợt đấu giá bán cổ phần	1
2. Căn cứ pháp lý bán cổ phần	2
3. Người chịu trách nhiệm chính đối với bản công bố thông tin	4
3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa	4
3.2. Tổ chức phát hành:	4
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG	4
3.3. Tổ chức thực hiện đấu giá	5
3.4. Tổ chức tư vấn:	5
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB.....	5
PHẦN II.....	6
THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	6
I. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	6
1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa.....	6
2. Ngành nghề kinh doanh.....	6
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	7
4. Các thành tựu đạt được trong quá trình hoạt động của Công ty	9
5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	9
6. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	10
7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	12
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	15
8.1. Tình hình tài sản cố định.....	15
8.2. Tình hình quản lý và sử dụng nhà đất.....	16
9. Các công ty liên kết và đầu tư dài hạn.....	19
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ năm 2012 đến nay	20
11. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn trước khi cổ phần hoá	24
12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	25
13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	28
13.1. Vị thế của công ty trong ngành	28
13.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	29
13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	29
II. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	30
1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	30
2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của công ty cổ phần	30
3. Hình thức pháp lý.....	31
4. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp.....	31
5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	33
6. Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp sử dụng sau khi cổ phần.....	33

7.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hoá.....	35
7.1.	Kế hoạch mục tiêu phát triển Công ty sau cổ phần hoá.....	35
7.2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2016-2018	36
7.2.1.	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	36
7.2.2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	37
7.3.	Giải pháp thực hiện.....	38
7.3.1.	Về tổ chức bộ máy Công ty cổ phần	38
7.3.2.	Về sản xuất kinh doanh.....	39
8.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	40
8.1.	Vốn điều lệ	40
8.2.	Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần	41
9.	Rủi ro dự kiến.....	41
9.1.	Rủi ro về kinh tế	41
9.2.	Rủi ro về luật pháp	41
9.3.	Rủi ro đặc thù ngành.....	42
9.4.	Rủi ro của đợt chào bán	42
9.5.	Rủi ro khác	43
10.	Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần.....	43
10.1.	Phương thức bán.....	43
10.2.	Phương thức thanh toán	46
11.	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá.....	47
III.	KẾT LUẬN.....	47

CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

Công ty	Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long
Công ty CP	Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác định quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
Cổ đông	Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
Vốn điều lệ	Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Bản Điều lệ
BCTC	Báo cáo tài chính
BCĐ	Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long
BKS	Ban kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long
CNQSDĐ	Chứng nhận quyền sử dụng đất
CB-CNV	Cán bộ công nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CP	Cổ phần
CPH	Cổ phần hóa
CSH	Chủ sở hữu
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐVT	Đơn vị tính
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐQT	Hội đồng quản trị

HTCN	Hệ thống cấp nước
IPO	Việc chào bán chứng khoán lần đầu tiên ra công chúng
NMN	Nhà máy nước
Nghị định 59	Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
GTGT	Giá trị gia tăng
ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGV	Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
TX	Thị xã
TT	Thị trấn
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
UBND	Ủy ban Nhân dân
XDCB	Xây dựng cơ bản

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VĨNH LONG

1. Thông tin liên quan đến đợt đấu giá bán cổ phần

1	Tổ chức có cổ phiếu được chào bán	Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
2	Vốn điều lệ	289.000.000.000 đồng
3	Số lượng cổ phần	28.900.000 cổ phần
4	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
5	Loại cổ phần bán đấu giá	Cổ phần phổ thông
6	Số lượng cổ phần bán đấu giá	5.175.400 cổ phần
7	Chiếm tỷ lệ	17,91% vốn điều lệ
8	Phương thức chào bán	Đấu giá công khai thông qua Sở GDCK TP HCM
9	Giá khởi điểm bán đấu giá	10.100 đồng/cổ phần
10	Bước giá	100 đồng
11	Đối tượng tham gia	Các tổ chức, cá nhân trong nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long. (Các nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia đấu giá mua cổ phần theo phương án cổ phần hoá đã được duyệt)
12	Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa	5.175.400 cổ phần
13	Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu	100 cổ phần
14	Địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần	Tại các đại lý đấu giá
15	Thời gian đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc nhận và nộp phiếu đấu giá, thời gian tổ chức đấu giá	Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chứng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long.

16	Địa điểm tổ chức đấu giá	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
17	Đặt cọc	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
18	Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá tại các Đại lý	Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long.
19	Thời gian nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá	Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long.
20	Danh sách Đại lý đấu giá	Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long

2. Căn cứ pháp lý bán cổ phần

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 189/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63//2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Công văn số 2191/TTg-ĐMDN ngày 03/11/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2014-2015;
- Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 13/03/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2014-2015;
- Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long;
- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPH ngày 05/03/2015 của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long;
- Công văn số 1035 ngày 6/04/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc lựa chọn đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và bán cổ phần tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long;
- Quyết định số 2122/QĐ.UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long để chuyển thành Công ty Cổ phần.

- Quyết định số 2725/QĐ.UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt tiêu chí, điều kiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.
- Quyết định số 401/QĐ.UBND ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long thành Công ty Cổ phần.

3. Người chịu trách nhiệm chính đối với bản công bố thông tin

3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Bà Nguyễn Thị Hoàng Hoa	Phó Giám đốc Sở Tài Chính tỉnh Vĩnh Long	Trưởng ban
Ông Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long	Phó Trưởng ban
Ông Dương Bình Hân	Phó phòng Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lãng	Phó phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Ông Trương Quan Tiến	Phó Chánh văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Ông Huỳnh Tuấn Kiệt	Chuyên viên phòng Việc làm, tiền lương, bảo hiểm, xã hội, Sở lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Chuyên viên phòng Kiểm tra thuế, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long	Thành viên

3.2. Tổ chức phát hành:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

- Địa chỉ: Số 02, đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: (070) 382 2583 . Fax: (070) 382 9432
- Ông Đặng Tấn Chiến Chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc
- Ông Nguyễn Tấn Phát Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Trần Văn Bản Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Lương Minh Triết Chức vụ: Kiểm soát viên
- Bà Bùi Thiện Ngọc Minh Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.

3.3. Tổ chức thực hiện đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH (HSX)

- Địa chỉ: Số 16, đường Võ Văn Kiệt, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3821 7713

3.4. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

- Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Gelex, số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại:(84-4) 4456 8888 Fax : (84-4) 3978 5379
- Website:<http://www.ibsc.vn>
- Chi nhánh HCM: 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại:(84-8) 4456 8888 Fax : (84-8) 3821 0789
- Ông Ngô Phương Chí Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long cung cấp.

PHẦN II

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

I. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Tên tiếng Anh: VINH LONG WATER SUPPLY COMPANY
LIMITED

Tên viết tắt: VWACO

Địa chỉ: Số 02, đường Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Điện thoại: (070) 382 2583

Fax: (070) 382 9432

Mã số thuế: 1500174831

Website: www.capnuocvl.com.vn

Email: capnuocvl@gmail.com

Logo :



2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500174831 (đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27/03/2014), ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
01	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3600 (chính)
02	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104
03	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4633
04	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng.	4290
05	Xây dựng công trình công ích	4220

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án cấp nước.	
06	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh các dự án cấp nước.	6810
07	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai.	4723
08	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.	7110

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty được thành lập từ rất sớm và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển cho đến nay.

* Giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1975

- Năm 1936, nhà máy nước Hưng Đạo Vương được xây dựng với công suất 1.200 m³/ngđ nhằm mục đích cấp nước phục vụ sinh hoạt cho người dân tại Thị xã Vĩnh Long

- Năm 1957 nhà máy được cải tạo, mở rộng nâng công suất lên 2.400 m³/ngđ.

- Năm 1960 nhà máy được xây dựng thêm, nâng công suất lên 4.800 m³/ngđ.

* Giai đoạn từ năm 1975 đến nay

- Năm 1975, Công ty Cấp nước Cửu Long được hình thành trên cơ sở tiếp quản các hệ thống cấp nước của Ty Cấp thủy Vĩnh Long để lại bao gồm: HTCN Thị xã Vĩnh Long có 02 nhà máy nước Hưng Đạo Vương và Cầu Vòng; các HTCN huyện Vũng Liêm, Trà Ôn và Bình Minh. Tổng quy mô công suất của toàn hệ thống là 6.500 m³/ngđ.

- Ngày 04/07/1992, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 216/QĐ-UBT thành lập Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long, trong đó bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh là kinh doanh phát triển nhà, vỉa hè, công viên cây xanh và thoát nước.

- Ngày 12/06/1995, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 773/QĐ-UBT Về việc đổi tên Công ty Công trình Đô thị Vĩnh Long thành Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long với chức năng, nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh nước sạch; thi

công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.

- Ngày 19/02/2008, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 295/QĐ-UBT Về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước tỉnh Vĩnh Long thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết; tư vấn xây dựng: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cấp nước.

- Trong giai đoạn này, Công ty đã triển khai đầu tư nhiều dự án cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các hệ thống cấp nước tại các đô thị trên toàn Tỉnh với tổng công suất thiết kế tính đến năm 2014 là: 59.200 m³/ngđ.

- Năm 2009, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Vĩnh Long tại công văn số 3630/UBND-KTN, ngày 24/12/2008, Công ty đã tham gia góp vốn bằng tài sản (trong đó có nhà máy nước Cầu Vòng) để thành lập pháp nhân mới: Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long (MEWACO).

- Năm 2014 thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Vĩnh Long tại công văn số 654/UBND-KTTH, ngày 18/3/2014, Công ty đã tham gia góp vốn đợt 1 bằng tài sản nhà máy nước Thành Lợi và mạng đường ống và đồng hồ nước khu vực huyện Bình Tân để thành lập pháp nhân mới: Công ty CP Nước và Môi trường Bình Tân (BITAWACO). Đợt 2 Công ty tiếp tục bàn giao vùng phục vụ cấp nước, hệ thống mạng đường ống và đồng hồ nước khu vực thị xã Bình Minh sang BITAWACO.

- Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng công suất thiết kế các nhà máy nước do Công ty quản lý là: 48.400 m³/ngđ.

- Ngày 13/01/2015 UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 37/QĐ-UBND Về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long.

- Ngày 13/03/2015, UBND tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 378/QĐ-UBND Về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2014 - 2015.

Hiện nay Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long đang thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp và dự kiến trong năm 2016 sẽ đi vào hoạt động với mô hình công ty cổ phần.

4. Các thành tựu đạt được trong quá trình hoạt động của Công ty

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty liên tục triển khai thực hiện tốt các dự án đầu tư, mở rộng phát triển mạng lưới cấp nước, giải quyết kịp thời nhu cầu sử dụng nước sạch, sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ của người dân tại các đô thị trong tỉnh, góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh nhà, tạo điều kiện để phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Với kết quả đạt được, trong nhiều năm liền, doanh nghiệp vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương các hạng như: hạng III, hạng II, hạng I; Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Cờ thi đua, ...

Ngoài ra, doanh nghiệp còn vinh dự được UBND tỉnh Vĩnh Long tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc, trong nhiều năm liền được bình chọn là doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc của tỉnh.

5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

5.1. Sản xuất kinh doanh nước sạch

Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu Nhà nước, hiện đang quản lý và khai thác 8 hệ thống cấp nước tại thành phố Vĩnh Long và các thị trấn đô thị của Tỉnh với tổng công suất thiết kế 48.400 m³/ngày đêm. Công ty áp dụng quy trình khép kín trên dây chuyền công nghệ xử lý tiên tiến sản xuất ra sản phẩm nước sạch đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

Công suất các nhà máy nước thuộc Công ty đang quản lý tính đến thời điểm hiện tại như sau:

STT	TÊN NHÀ MÁY	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất khai thác (m ³ /ngđ)	Tỉ lệ khai thác (%)
1	NMN Trường An	20.000	16.900	84,50
2	NMN Hưng Đạo Vương	18.000	15.900	88,33
3	NMN Tam Bình	3.500	2.100	60,00
4	NMN Trà Ôn	2.400	2.100	87,50
5	NMN Vũng Liêm	3.000	1.900	63,33
6	NMN Cái Ngang	1.500	1.000	66,67
TỔNG CỘNG		48.400	39.900	82,44

Xác định được ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của sản phẩm nước sạch, thời gian qua Công ty luôn quan tâm chú trọng đến công tác đầu tư, tranh thủ nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam, Australia, Nhật và nguồn vốn vay ưu đãi của AFD để đầu tư cải tạo, xây dựng mở rộng, nâng công suất hệ thống cấp nước ở các đô thị trong Tỉnh.

5.2. Sản phẩm nước đóng chai

Nước uống đóng chai Việt Úc là sản phẩm của Công ty được sản xuất từ dây chuyền công nghệ hiện đại của Úc, xử lý qua hệ thống trao đổi ION, than hoạt tính, tinh lọc qua hệ thống thẩm thấu ngược RO, khử trùng bằng OZONE và tia cực tím. Đạt tiêu chuẩn nước uống đóng chai quốc gia.

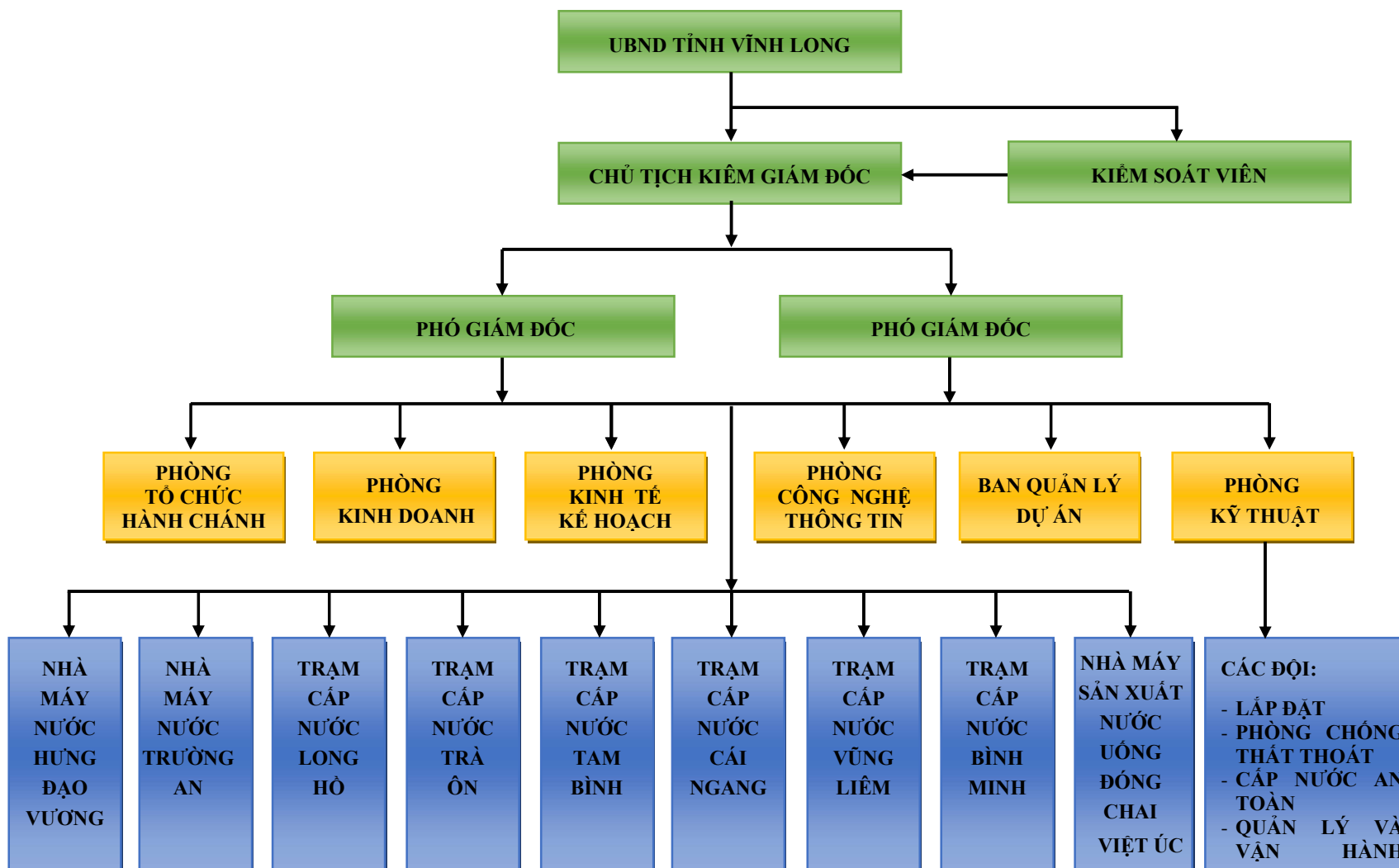
Hiện tại, sản phẩm nước uống đóng chai Việt Úc đang chiếm trên 80% thị phần tại tỉnh Vĩnh Long và được cung cấp đến các tỉnh lân cận như: Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre,... Đây là một thương hiệu được người tiêu dùng tín nhiệm cao trong thời gian qua.

5.3. Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng

Với một đội ngũ cán bộ kỹ thuật giàu kinh nghiệm và một lực lượng công nhân chuyên ngành bậc cao, trong thời gian qua Công ty đã tổ chức thực hiện thi công các công trình kỹ thuật hạ tầng – chủ yếu các công trình cấp nước – trên khắp các địa bàn trong tỉnh do Công ty và các đơn vị khác làm chủ đầu tư.

6. Cơ cấu tổ chức và quản lý

6.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa



6.2. Ban lãnh đạo Công ty

- Ông Đặng Tấn Chiến – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
 Ông Lương Minh Triết – Kiểm soát viên
 Ông Nguyễn Tấn Phát – Phó Giám đốc
 Ông Trần Văn Bản – Phó Giám đốc
 Bà Bùi Thiện Ngọc Minh – Kế toán trưởng

6.3. Người lao động

Tại thời điểm 31/12/2014, tổng số viên chức và người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là: 282 người. Trong đó cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	282	100
- Trên đại học	6	2,13
- Trình độ đại học	76	26,95
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	106	37,59
- Trình độ khác	94	33,33
Phân theo loại hợp đồng lao động	282	100
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	5	1,77
- Hợp đồng không thời hạn	232	82,27
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	43	15,25
- Hợp đồng thời vụ	1	0,35
- Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách	1	0,35
Phân theo giới tính	282	100
- Nam	241	85,46
- Nữ	41	14,54

7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 2122/QĐ.UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long để chuyển thành Công ty Cổ phần.

Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long là: **401.825.062.658 đồng**

Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long tại thời điểm 31/12/2014 để cổ phần hóa là: **288.358.705.474 đồng**

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp chi tiết như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	365.549.729.587	401.825.062.658	36.275.333.071
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	230.988.196.571	261.648.590.862	30.660.394.291
1. Tài sản cố định	209.912.486.436	240.077.137.618	30.164.651.182
a. TSCĐ hữu hình	209.783.715.609	239.948.366.791	30.164.651.182
b. TSCĐ vô hình	128.770.827	128.770.827	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.100.000.000	7.591.218.707	491.218.707
3. Chi phí XDCB dở dang	11.960.712.794	11.960.712.794	-
4. Phải thu dài hạn (gồm cả KC, KQ)	12.159.748	12.159.748	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	2.002.837.593	2.007.361.995	4.524.402
- Chi phí trả trước dài hạn	2.002.837.593	2.007.361.995	4.524.402
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	134.561.533.016	134.561.533.016	-
1. Tiền:	89.911.995.028	89.911.995.028	-
- Tiền mặt tồn quỹ	12.470.100	12.470.100	-
- Tiền gửi ngân hàng	7.727.922.928	7.727.922.928	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
- Các khoản tương đương tiền	82.171.602.000	82.171.602.000	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.693.000.000	12.693.000.000	-
3. Các khoản phải thu	19.397.974.485	19.397.974.485	-
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	11.139.238.798	11.139.238.798	-
5. Tài sản lưu động khác	1.419.324.705	1.419.324.705	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	5.614.938.781	5.614.938.781
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG <i>(Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)</i>	1.558.664.022	1.558.664.022	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	1.558.664.022	1.558.664.022	-
1. Tài sản cố định	1.558.664.022	1.558.664.022	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	1.233.593.073	1.233.593.073	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	1.233.593.073	1.233.593.073	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PL, KT <i>(Không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)</i>	38.571.992	38.571.992	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP	368.380.558.674	404.655.891.745	36.275.333.071

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(A + B + C + D)			
Trong đó:			
Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A)	365.549.729.587	401.825.062.658	36.275.333.071
Nợ thực tế phải trả (Mục E1)	113.466.357.184	113.466.357.184	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp NSNN	-	-	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp (Mục E2)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	252.083.372.403	288.358.705.474	36.275.333.071

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tình hình tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2014 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

DVT: Triệu đồng

Tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	301.158	209.784	437.471	239.948	136.313	30.165
Nhà cửa, vật kiến trúc	58.839	46.029	94.025	55.796	35.185	9.767
Máy móc thiết bị	64.611	29.937	64.611	35.644	-	5.707

Tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	176.903	133.519	278.030	148.053	101.127	14.533
Thiết bị, dụng cụ quản lý	805	298	806	456	1	158
Tài sản cố định vô hình	218	129	218	129	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Phần mềm máy tính	218	129	218	129	-	-
Chi phí XD CB dở dang	11.961	11.961	11.961	11.961	-	-

8.2. Tình hình quản lý và sử dụng nhà đất

Hiện tại, Công ty đang quản lý, sử dụng 14 khu đất (18 thửa) tại các khu vực thành phố Vĩnh Long; thị xã Bình Minh; thị trấn Trà Ôn; thị trấn Tam Bình, xã Tường Lộc, xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình; thị trấn Vũng Liêm; xã Long Phước, xã Lộc Hoà, huyện Long Hồ với tổng diện tích 53.795,1m².

Trong đó:

- 09 khu đất (12 thửa) có giấy CNQSDĐ, tổng diện tích: 48.070,4 m²
- 05 khu đất (06 thửa) chưa có giấy CNQSDĐ, tổng diện tích: 5.724,7 m².

*** Khu đất tại số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP. Vĩnh Long, Tỉnh**

Vĩnh Long (02 thửa)

- Diện tích: 6.812,1 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 01/01/2046
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng Công ty và NMN Hưng Đạo Vương
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất tại số 54 Nguyễn Huệ, Phường 2, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh**

Long (01 thửa)

- Diện tích: 1.084 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh

- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 01/01/2046
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và NM sản xuất nước uống đóng chai Việt Úc
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng
- * **Khu đất tại số 519 Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long,**

Tỉnh Vĩnh Long (01 thửa)

- Diện tích: 18.003 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 26/06/2056
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và NMN Trường An
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng
- * **Khu đất tại Khu Tái định cư Đông Bình, Xã Đông Bình, TX. Bình**

Minh, Tỉnh Vĩnh Long (01 thửa)

- Diện tích: 443 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Hình thức sử dụng: Đang tiến hành làm thủ tục thuê
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và NMN Đông Bình (Dự phòng)
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng
- * **Khu đất tại Ấp Mỹ Lợi, Xã Thiện Mỹ, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long**

(01 thửa)

- Diện tích: 4.369 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 8/7/2052
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và NMN Trà Ôn
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng
- * **Khu đất tại Đường Đồ Chiểu, Khu 3, Thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn,**

Tỉnh Vĩnh Long (01 thửa)

- Diện tích: 184,7 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Hình thức sử dụng: Đang tiến hành làm thủ tục thuê
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng giao dịch
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng
- * **Khu đất Số 390/8 Khóm 4, Thị trấn Tam Bình, Huyện Tam Bình, Tỉnh**

Vĩnh Long (02 thửa)

- Diện tích: 4.098,5 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 24/06/2054
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và NMN Tam Bình
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất tại Ấp 8, Xã Mỹ Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long (01 thửa)**

- Diện tích: 4.190 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 11/12/2058
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và NMN Cái Ngang
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất tại Ấp Trung Tín, Thị trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm,**

Tỉnh Vĩnh Long (02 thửa)

- Diện tích: 2.843,1 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 21/09/2051
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và NMN Vũng Liêm
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất tại Ấp Long Thuận, xã Long Phước, Huyện Long Hồ, Tỉnh**

Vĩnh Long (01 thửa)

- Diện tích: 6.578 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Thời hạn sử dụng: đến hết ngày 21/09/2062
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và Trạm Tăng áp Long Hồ
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất tại Xã Lộc Hoà, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long (01 thửa)**

- Diện tích: 300 m²
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
- Hình thức sử dụng: Đang tiến hành làm thủ tục thuê
- Tình hình sử dụng đất : Văn phòng và Trạm tăng áp
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất cây kiểng Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long (01 thửa)**

- Diện tích: 4.700 m²
- Mục đích sử dụng: Không sử dụng
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất tại Khóm 2, phường 2, Thành Phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long**

(01 thửa)

- Diện tích: 92,7 m²
- Mục đích sử dụng: Không sử dụng
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

*** Khu đất tại Ấp Tường Lễ xã Tường Lộc huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh**

Long (02 thửa)

- Diện tích: 97 m²

- Mục đích sử dụng: Không sử dụng
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng

9. Các công ty liên kết và đầu tư dài hạn

ĐVT: đồng

TT	Tên công ty	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
I	Công ty liên kết	6.800.000.000	
1	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long	1.800.000.000	20%
2	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân	5.000.000.000	25%
II	Đầu tư dài hạn	300.000.000	
1	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít	300.000.000	15%
TỔNG CỘNG		7.100.000.000	

*** Thông tin chi tiết về các doanh nghiệp mà Công ty liên kết và đầu tư dài hạn:**

- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Cửu Long (MEWACO): Trụ sở chính tại số 93, đường Đinh Tiên Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ngành nghề kinh doanh chính của MEWACO là “Khai thác, xử lý và cung cấp nước”. Hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 1500590493 được cấp vào ngày 04/05/2009.

- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân (BITAWACO): Trụ sở chính tại số 3530, ấp Thành Phú, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là “Khai thác, xử lý và cung cấp nước”. Hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 1501012456 được cấp vào ngày 22/10/2014.

- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Mang Thít (MAWACO): Trụ sở chính tại Tổ 1, Khóm 1, Thị trấn Cái Nhum, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là “Sản xuất và cung cấp nước sạch”. Hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 1500679215 được cấp vào ngày 06/04/2010

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ năm 2012 đến nay

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

10.1.1. Sản lượng sản phẩm / giá trị dịch vụ qua các năm

- Sản lượng sản phẩm:

Sản lượng nước sạch	Nước sản xuất (m ³)	Nước tiêu thụ (m ³)	Tỷ lệ thất thoát (%)
Năm 2012	16.112.003	12.406.556	23,0
Năm 2013	17.160.771	13.230.954	22,9
Năm 2014	18.205.041	14.108.948	22,5
Năm 2015 (*)	18.862.967	14.656.525	22,3

(*). Số thực hiện năm 2015 của Công ty chưa được kiểm toán.

- Doanh thu qua các năm:

ĐVT: Triệu đồng

Hàng hóa/dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015 (*)	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu nước sạch	71.133	92,30%	75.695	90,45%	81.576	90,36%	94.979	92,00%
Doanh thu xây lắp	2.138	2,77%	3.834	4,58%	4.234	4,69%	3.641	3,53%
Doanh thu nước đóng chai	3.334	4,33%	3.685	4,40%	3.815	4,23%	4.171	4,04%
Doanh thu bán hàng hóa khác	459	0,60%	472	0,56%	655	0,73%	447	0,43%
TỔNG CỘNG	77.064	100%	83.686	100%	90.280	100%	103.238	100%

(*). Số thực hiện năm 2015 của Công ty chưa được kiểm toán.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch nên doanh thu nước sạch luôn đóng góp trên 90% tổng doanh thu hàng năm của công ty. Các mảng hoạt động khác chỉ đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu.

- Thu nhập khác:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (*)
Thu nhập khác	10.747	9.704	10.583	12.056

(*). Số thực hiện năm 2015 của Công ty chưa được kiểm toán.

10.1.2. Nguyên vật liệu

* Nguồn nguyên vật liệu

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Vĩnh Long là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nước sạch do vậy nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là nguồn nước tự nhiên (nước thô), điện, hóa chất,...

* Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nguồn nguyên liệu đầu vào chính của công ty được khai thác từ tự nhiên nên nhìn chung lưu lượng tương đối ổn định. Tuy nhiên chất lượng nguồn nước còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như: ô nhiễm môi trường nước, xâm nhập mặn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ...

* Ảnh hưởng của giá cả nguyên liệu đến lợi nhuận

Do chất lượng nguồn nước thô khô bị ảnh hưởng bởi các điều kiện tự nhiên, đồng thời sự biến động về giá cả của các nguyên liệu sản xuất nước sạch như: điện, phèn, Clo, dầu, ... đã tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến lợi nhuận hàng năm của Công ty.

10.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015 (*)	
	Giá trị	% trên tổng doanh thu	Giá trị	% trên tổng doanh thu	Giá trị	% trên tổng doanh thu	Giá trị	% trên tổng doanh thu

Giá vốn hàng bán	36.876	47,85%	43.000	51,38%	46.221	51,20%	50.685	49,10%
Chi phí bán hàng	14.762	19,16%	16.249	19,42%	16.305	18,06%	19.122	18,52%
Chi phí quản lý	11.120	14,43%	10.927	13,06%	12.799	14,18%	14.509	14,05%
Chi phí tài chính	400	0,52%	217	0,26%	13	0,01%	170	0,16%
Chi phí khác	582	0,76%	1.274	1,52%	2.207	2,44%	3.194	3,09%
TỔNG CỘNG	63.740	82,71%	71.667	85,64%	77.545	85,89%	87.680	84,93%

(*). Số thực hiện năm 2015 của Công ty chưa được kiểm toán.

Chi phí sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là các loại chi phí sau: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính. Nhìn chung phần lớn các chi phí được công ty kiểm soát khá chặt chẽ, tỷ trọng chi phí trên tổng doanh thu thể hiện qua các năm tương đối ổn định và xu hướng giảm.

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là lãi vay vốn ưu đãi ODA để đầu tư các dự án cấp nước như: nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng hệ thống ống phân phối,... Vì vậy chi phí này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí.

Bên cạnh việc công ty mở rộng sản xuất kinh doanh, việc kiểm soát chặt chẽ các chi phí đã góp phần làm tăng doanh thu mang lại hiệu quả kinh tế giúp doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững.

10.1.4. Trình độ công nghệ:

Công ty TNHH MTV cấp nước Vĩnh Long luôn chú trọng đầu tư vào máy móc công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nước cung cấp và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Cùng với việc đầu tư cho công nghệ kỹ thuật, Công ty luôn chú trọng công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị, quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào hàng năm.

Ngoài ra, để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý, Công ty còn đầu tư các phần mềm về Kế toán, Quản lý khách hàng, Văn phòng điện tử, Quản lý mạng đường ống cấp nước Mapinfo...

10.1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ cung cấp:

Sản phẩm của công ty sản xuất ra được cung cấp trực tiếp đến người tiêu dùng nên khâu kiểm tra chất lượng nước luôn được công ty chú trọng hàng đầu.

Tất cả các nhà máy cấp nước đều có bộ phận kiểm nghiệm gồm các kỹ sư hóa phân tích, cán bộ kỹ thuật chuyên môn và cơ quan quản lý chất lượng của Nhà nước (Trung tâm Y học dự phòng tỉnh) thường xuyên lấy mẫu giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm.

Đội Cấp nước an toàn của Công ty gồm các nhân viên có trình độ chuyên môn là thạc sĩ, kỹ sư chuyên ngành môi trường, hóa phân tích (hữu cơ, vi sinh...), luôn theo sát quá trình vận hành sản xuất của các nhà máy nước, kiểm tra định kỳ trên mạng đường ống cấp nước và hộ dân sử dụng nước sạch nhằm đảm bảo dịch vụ cung cấp nước sạch cho khách hàng đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

10.1.6. Hoạt động Marketing

Công ty hiện đang cung cấp nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long gồm: Thành phố Vĩnh Long, Thị xã Bình Minh, Thị trấn, thị tứ thuộc các huyện Long Hồ, Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình, khu công nghiệp Hòa phú ... Do hoạt động đặc thù của ngành cấp nước được quy định rõ tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, nên Công ty chưa có sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Công ty chủ yếu sử dụng Website của Công ty và thông qua Hội Cấp Thoát Nước Việt nam, Chi Hội Cấp Nước Miền Nam để quảng bá về Công ty và các dịch vụ cung cấp nước.

10.1.7. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Công ty đang sử dụng logo:



Đã được đăng ký bảo hộ tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa Học và Công Nghệ theo Quyết định số 44093/QĐ-SHTT ngày 15/08/2013 của Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa Học và Công Nghệ .

- Nhãn hiệu hàng hóa: Việt Úc (nước uống đóng chai), được bảo hộ toàn phần theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 77917 - theo Quyết định số 13232/QĐ-SHTT ngày 21/12/2006 và Quyết định gia hạn số 17468/QĐ-SHTT ngày 26/03/2015 của Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa Học và Công Nghệ.

- Giải pháp Ghi chỉ số đồng hồ nước bằng WindowsPhone: đã được cấp giấy chứng nhận Số 147/QĐ/KT-BTCHT ngày 02/10/2015 – Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Trần Đại Nghĩa tỉnh Vĩnh Long

11. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn trước khi cổ phần hoá

Số liệu chi tiết tình hình tài chính Công ty được tóm tắt ở bảng sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (*)
1	Tổng tài sản	260.167	327.149	367.603	409.513
2	Vốn chủ sở hữu	224.389	251.251	260.057	303.048
3	Nợ ngắn hạn	28.740	36.612	39.084	38.587
4	Nợ dài hạn	7.038	39.285	68.462	67.878
5	Nợ phải thu	9.045	11.496	18.309	12.832
6	Nợ phải thu khó đòi	30	39	25	-
7	Tổng số lao động	281	291	290	280
8	Tổng quỹ lương	16.276	18.884	20.312	20.820
9	Thu nhập bình quân của người/tháng	4,83	5,41	5,84	6,20
10	Tổng doanh thu	87.811	93.390	100.862	115.294
11	Tổng chi phí	63.741	71.666	77.545	87.680

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (*)
12	Lợi nhuận trước thuế	24.070	21.723	23.318	27.614
13	Lợi nhuận sau thuế	19.023	16.327	18.050	21.597
14	Các khoản đã nộp ngân sách trong năm	9.755	10.198	10.677	11.903
15	Tỷ suất LNST /VCSH	8,48%	6,50%	6,94%	7,13%

(*) *Tổng tài sản đã được điều chỉnh theo quyết định số 2122/QĐ.UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long để chuyển thành Công ty Cổ phần.*

12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Với kết quả đạt được trong sản xuất, kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2012-2014 cho thấy Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu chung. Tuy nhiên, Công ty còn gặp phải một số khó khăn nhất định. Một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian qua:

12.1. Thuận lợi

Công ty nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Vĩnh Long, các Sở, ban, ngành của Tỉnh và chính quyền địa phương các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao hàng năm.

Với bề dày truyền thống hơn 40 năm hoạt động kể từ sau ngày thống nhất đất nước, Công ty luôn có sự phát triển ổn định vững chắc và ngày càng phát triển theo hướng bền vững.

Công ty rất chú trọng trong việc đầu tư, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý, vận hành sản xuất nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, mang hiệu quả kinh tế cho công ty.

Cấp ủy, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ, nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ, nhân viên và người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: đầu tư xây dựng các hệ thống cấp nước và phát triển khách hàng; quản lý tốt các hệ thống cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước giảm theo hàng năm; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào quản lý, vận hành. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật có kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án đầu tư.

12.2. Khó khăn

Công ty hoạt động trong ngành cấp nước, dịch vụ của công ty cung cấp thuộc dịch vụ công ích. Đặc thù sản phẩm công ích là giá dịch vụ sẽ do Nhà nước (UBND Tỉnh) quyết định nên giá nước chỉ ổn định mang tính tương đối và sẽ được điều chỉnh trong từng giai đoạn nhất định. Việc điều chỉnh giá bán nước thường cần nhiều thời gian từ giai đoạn lập, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định đến giai đoạn phê duyệt, từ đó làm giảm đi tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty và ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.

Điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình trạng suy thoái kinh tế, chi phí đầu vào như: nguyên vật liệu, hóa chất, điện, ... tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất nước sạch tăng; đặc biệt do sự biến đổi khí hậu, tình trạng ô nhiễm môi trường nước đã ảnh hưởng rất lớn đến chất và lượng nguồn nước thô khai thác tại một số nhà máy ở các huyện.

Công ty vẫn đang giai đoạn đầu tư mở rộng nên rất cần nguồn vốn. Việc thiếu vốn dẫn đến công ty phải huy động từ nguồn vốn vay. Vì vậy công ty cũng đã gặp phải áp lực thiếu vốn, áp lực trả nợ và lãi vay trong quá trình hoạt động.

Trong quá trình quản lý và khai thác các hệ thống cấp nước gặp nhiều trở ngại, vướng mắc xuất phát từ công tác quản lý quy hoạch đô thị và từ việc xử lý chưa nghiêm các hành vi vi phạm, làm hư hỏng các công trình cấp nước.

Việc đầu tư mở rộng các tuyến ống cung cấp nước sạch đến các khu vực dân cư đang sinh sống tại các vùng phục vụ của doanh nghiệp hầu hết rất khó thực hiện do các khu vực này chưa có quy hoạch giao thông rõ ràng nên không thể đầu tư lắp đặt tuyến ống ở vị trí ổn định và lâu dài. Đặc biệt là tại các đô thị, thị trấn hầu hết đã được doanh nghiệp đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cấp nước, mặc dù trong

quá trình thi công lắp đặt mạng lưới ống cấp nước, doanh nghiệp đã phối kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác định vị tuyến và được cấp phép, nhưng thực tế khi địa phương thực hiện đầu tư kiến thiết thị chính đã làm ảnh hưởng đến công trình cấp nước buộc doanh nghiệp phải thực hiện di dời hoặc sửa chữa nhưng không được địa phương hỗ trợ chi phí nên doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.

Công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình cấp nước gặp nhiều trở ngại do chính quyền địa phương chưa kiên quyết xử lý triệt để. Từ đó việc đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch cho người dân không thể thực hiện đúng theo tiến độ, công trình thi công bị kéo dài trong khi đó vốn đầu tư phải vay, không phát huy hiệu quả đầu tư, nguy cơ rủi ro đối với doanh nghiệp rất cao.

12.3. Cơ hội

Lĩnh vực cung cấp nước sạch là lĩnh vực mà thế giới, trong nước và người dân rất quan tâm. Hiện nay có rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, đây sẽ là cơ hội cho công ty huy động được nguồn vốn rẻ và thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư.

Do công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và các tổ chức trong xã hội nên chất lượng phục vụ luôn được công ty đặt lên hàng đầu. Nước sạch là loại hàng hóa mang tính chất dịch vụ công, sản phẩm sản xuất ra được khách hàng sử dụng ngay, vì thế công ty chú trọng vào chất lượng phục vụ cũng như đầu tư trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng nước ngay từ những ngày đầu thành lập. Do đó công ty đã tạo được sự tin tưởng và ủng hộ của hầu hết các khách hàng sử dụng dịch vụ do công ty cung cấp. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp công ty đủ khả năng cạnh tranh với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cấp nước trong tỉnh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần

12.4. Thách thức

Sau khi cổ phần hóa công ty sẽ có thêm nhiều cổ đông là nhà đầu tư bên ngoài đây là những cổ đông thường đặt ra yêu cầu và mong đợi công ty hoạt động hiệu quả tốt hơn giai đoạn trước khi cổ phần hóa. Ngoài ra công ty sẽ thay đổi cơ cấu quản lý và sắp xếp lại bộ máy tổ chức để phù hợp với tình hình hoạt động là công ty cổ phần. điều này đặt ra thách thức cho Ban lãnh đạo công ty và toàn thể cán bộ

công nhân viên và người lao động phải nỗ lực làm việc nhiều hơn nữa trong giai đoạn sau cổ phần để doanh nghiệp phát triển hơn nữa, đáp ứng được sự mong mỏi của các nhà đầu tư.

Thất thoát nước là một trong những vấn đề lớn của ngành nước hiện nay. Thất thoát có thể do hệ thống phân phối nước, thiết bị đo đếm không chính xác hoặc người sử dụng nước không thanh toán hay sử dụng nước không qua đồng hồ hoặc can thiệp vào hệ thống đo đếm của đồng hồ nước. Tỷ lệ thất thoát nước của các hệ thống cấp nước do Công ty quản lý và khai thác hiện nay là 22,3%, đạt mức trung bình so với các Công ty cấp nước khác. Phần lớn thất thoát nước tại Công ty là do hệ thống mạng lưới phát triển qua nhiều thời kỳ nên không đồng bộ, dữ liệu quản lý mạng lưới chưa được cập nhật đầy đủ từ đó gây khó khăn trong công tác duy tu, sửa chữa, kiểm soát và quản lý mạng lưới. Hệ thống quản lý, hệ thống thông tin còn hạn chế, chưa tương xứng với tầm vóc và quy mô Công ty. Xử lý tỷ lệ thất thoát là vấn đề mang tính chiến lược, lâu dài và đồng bộ, đòi hỏi chi phí lớn cho việc đầu tư cải tạo mạng đường ống, nâng cao trình độ chuyên môn trong quản lý, ứng dụng công nghệ tiên tiến để kiểm tra, giám sát nguyên nhân gây thất thoát. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đề án phòng chống thất thu thất thoát nước, từng bước kéo giảm tỉ lệ thất thoát nước của Công ty nằm trong nhóm thấp của các đơn vị cấp nước trong khu vực.

Nguồn nước thô của các nhà máy sản xuất nước sạch đang sử dụng là nguồn nước mặt từ các con sông. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản nên nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt rất lớn nên cần phải có giải pháp đầu tư công nghệ xử lý bổ sung, chi phí sản xuất sẽ tăng lên. Từ đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

13.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu Nhà nước, hiện đang quản lý và khai thác 8 hệ thống cấp nước tại thành phố Vĩnh Long và các thị trấn đô thị của Tỉnh; trong đó, Công ty hiện trực tiếp quản lý 6 nhà máy nước với tổng công suất thiết kế 48.400 m³/ngày đêm đồng thời, Công ty mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh sản phẩm nước uống đóng chai với công suất

khoảng 5.000lít/giờ. Công ty áp dụng quy trình khép kín trên dây chuyền công nghệ xử lý tiên tiến sản xuất ra sản phẩm nước sạch đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

So với các đơn vị trong ngành nói chung, Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long là một trong những đơn vị có uy tín với chất lượng cung cấp nước và dịch vụ tốt trong khu vực.

13.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nước sạch là mặt hàng thiết yếu không thể thiếu cho sinh hoạt và sản xuất. Vì thế cần phải phát triển mạng lưới cấp nước sạch, nâng công suất các nhà máy nước đảm bảo đủ nguồn cung cấp nước đạt về chất lượng, số lượng cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân trong toàn tỉnh.

Vĩnh Long là một trong những tỉnh chịu tác động của biến đổi khí hậu trong đó ảnh hưởng lớn nhất là nguồn nước sông bị nhiễm mặn vì vậy việc xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch và hệ thống truyền tải là rất cần thiết và phải được đặt lên hàng đầu.

Nằm trong vùng kinh tế các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, tiếp giáp với tỉnh Cần Thơ, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh và Đồng Tháp. Vĩnh Long là một trong những địa phương đang chuyển mình trong phát triển kinh tế, thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Hiện nay, tỉnh có 02 khu công nghiệp đang hoạt động với nhiều Công ty đặt trụ sở sản xuất kinh doanh, nên nhu cầu sử dụng nước sạch cho sản xuất công nghiệp là rất lớn. Vì vậy trong tương lai Công ty có nhiều triển vọng phát triển vì nhu cầu thị trường tiêu thụ nước sạch ngày càng tăng.

13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Long theo quy hoạch cấp nước vùng. Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước sạch, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của người dân và các doanh nghiệp thuộc địa bàn TP Vĩnh Long, các khu Công nghiệp, Thị trấn, Thị tứ của các huyện Vũng Liêm, Long Hồ, Tam Bình, Trà Ôn, Thị xã Bình Minh, ... và các xã nằm trên trục đường giao thông chính của Tỉnh (Quốc lộ 1, Quốc lộ 53, Quốc lộ 54, Quốc lộ 57, Quốc lộ 80, các đường Tỉnh lộ, ...). Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp

với quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, đồng thời phù hợp với tốc độ đô thị hóa, yêu cầu xây dựng nông thôn mới và định hướng của ngành cấp nước theo xu thế chung trên thế giới.

II. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**
- Tên tiếng Anh: **VINH LONG WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **VWACO**
- Trụ sở chính: Số 02, Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Điện thoại: (070) 382 2583
- Fax: (070) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Email: capnuocvl@gmail.com
- Logo Công ty:



2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của công ty cổ phần

Công ty cổ phần vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng sản phẩm nước sạch phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trong tỉnh với một số ngành nghề như sau:

STT	Tên ngành
1	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
2	Sản xuất nước uống đóng chai
3	Kinh doanh nước uống đóng chai
4	Thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật
5	Đầu tư xây dựng các dự án cấp nước
6	Kinh doanh các dự án cấp nước
7	Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng
8	Kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước

3. Hình thức pháp lý

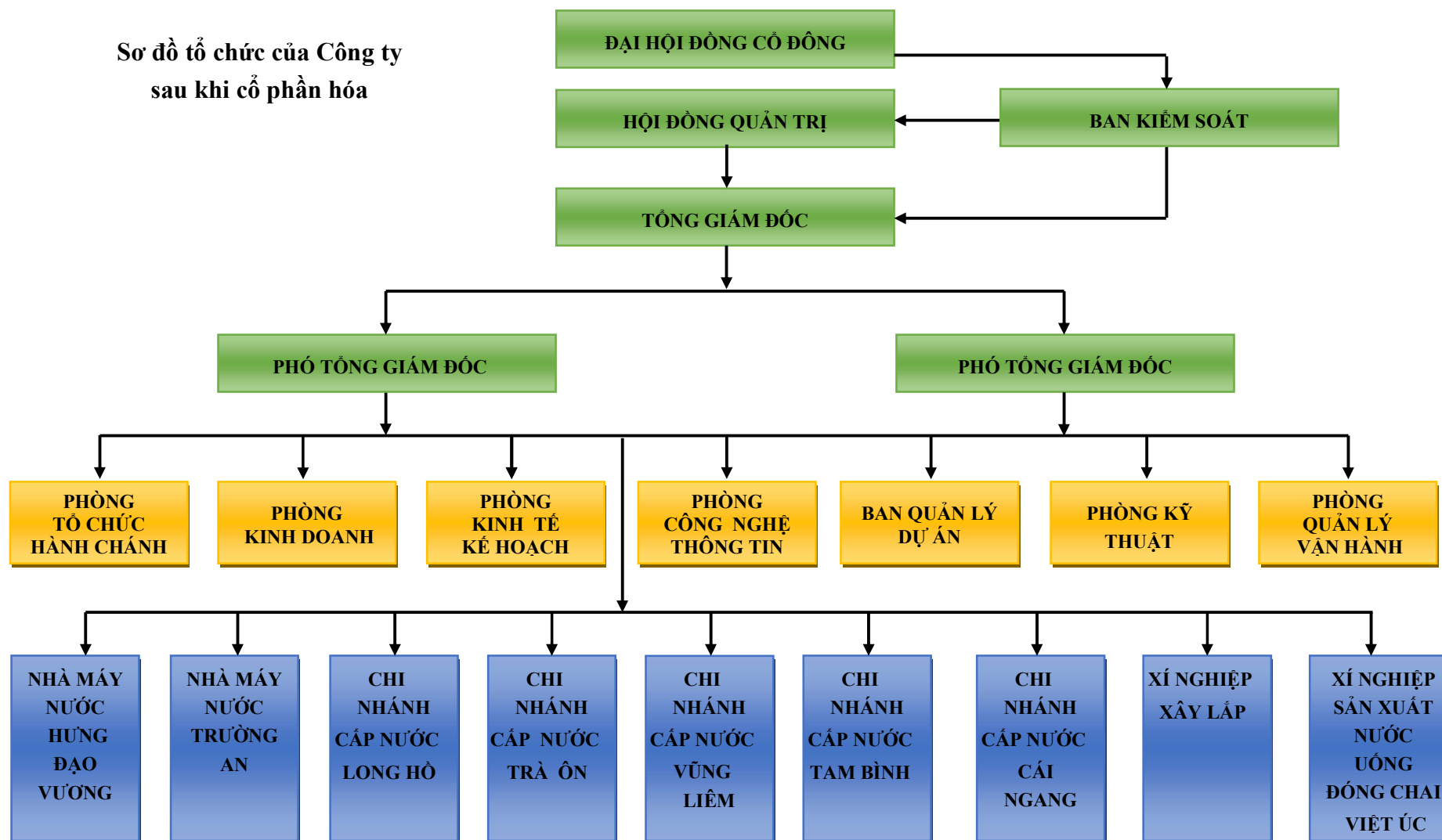
Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ 64% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần.

4. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp

Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (05 người);
- Ban Kiểm soát (03 người);
- Ban Tổng Giám đốc (03 người);
- Kế toán trưởng (01 người);
- Các phòng, ban nghiệp vụ;
- Các đơn vị trực thuộc.

Sơ đồ tổ chức của Công ty
sau khi cổ phần hóa



5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty CP như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	267	100%
- Trên đại học	6	2,25%
- Trình độ đại học	73	27,34%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	107	40,07%
- Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	81	30,34%
Phân theo loại hợp đồng lao động	267	100%
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	5	1,87%
- Hợp đồng không thời hạn	223	83,52%
- Hợp đồng thời hạn từ 1 - 3 năm	39	14,61%
Phân theo giới tính	267	100%
- Nam	227	85,02%
- Nữ	40	14,98%

6. Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp sử dụng sau khi cổ phần

Sau khi cổ phần, Công ty CP có nhu cầu sử dụng 11 khu đất (14 thửa), với tổng diện tích 48.905,4 m², trong đó: có 2 thửa đất chưa có giấy CNQSDĐ diện tích 743 m². Các thửa đất được công ty sử dụng đúng mục đích để phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh tại đơn vị như trụ sở văn phòng, nhà kho, nhà máy nước, đài nước. Cụ thể như sau:

6.1. Khu đất tại số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 6.812,1 m².
- Giấy CNQSDĐ số: BX 652632, thửa đất số 21, tờ bản đồ số 6 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 10/11/2014.
- Giấy CNQSDĐ số: BX 652633, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 6 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 10/11/2014.
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.2. Khu đất tại số 54 Nguyễn Huệ, Phường 2, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 1.084 m².
- Giấy CNQSDĐ số: BX 652635, thửa đất số 204, tờ bản đồ số 14 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 11/11/2014.
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.3. Khu đất tại số 519 Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 18.003 m².
- Giấy CNQSDĐ số: AE 563335, thửa đất số 1, tờ bản đồ số 5 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 27/11/2006.
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.4. Khu đất tại Khu Tái định cư Đông Bình, Xã Đông Bình, TX. Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 443 m².
- Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty đang tiến hành làm thủ tục thuê đất theo Công văn số 436/STNMT, ngày 24/02/2016 về việc hướng dẫn thủ tục thuê đất khi chuyển thành Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long.
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.5. Khu đất tại Ấp Mỹ Lợi, Xã Thiện Mỹ, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 4.369 m².
- Giấy CNQSDĐ số: AE 181095, thửa đất số 883, tờ bản đồ số 7 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 30/11/2006.
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.6. Khu đất tại Đường Đồ Chiểu, Khu 3, Thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 184,7 m².
- Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiến hành làm thủ tục thuê đất.
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.7. Khu đất Số 390/8 Khóm 4, Thị trấn Tam Bình, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 4.098,5 m².
- Giấy CNQSDĐ số: AH176241, thửa đất số 123, tờ bản đồ số 33 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 17/4/2007.
- Giấy CNQSDĐ số: AH176242, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 33 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 17/4/2007.
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.8. Khu đất tại Ấp 8, Xã Mỹ Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 4.190 m².

- Giấy CNQSDĐ số: AN 453091, thửa đất số 1991, tờ bản đồ số 1 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 31/12/2008.

- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.9. Khu đất Ấp Trung Tín, Thị trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 2.843,10 m².

- Giấy CNQSDĐ số: AE181067, thửa đất số 27, tờ bản đồ số 1 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 27/11/2006.

- Giấy CNQSDĐ số: AE 181066 thửa đất số 26, tờ bản đồ số 1 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 27/11/2006.

- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.10. Khu đất Ấp Long Thuận, xã Long Phước, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 6.578 m².

- Giấy CNQSDĐ số: BI 935882 thửa đất số 690, tờ bản đồ số 4 do UBND tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 12/4/2012.

- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

6.11. Khu đất Xã Lộc Hoà, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long

- Tổng diện tích sử dụng: 300 m².

- Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty đang tiến hành làm thủ tục thuê đất theo Công văn số 436/STNMT, ngày 24/02/2016 về việc hướng dẫn thủ tục thuê đất khi chuyển thành Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long.

Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm.

7. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hoá

7.1. Kế hoạch mục tiêu phát triển Công ty sau cổ phần hoá

Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định và đề nghị các ngành liên quan tham mưu trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Để đạt được kế hoạch trên, công ty sẽ tập trung mở rộng vùng phục vụ, tìm kiếm các đối tác mới nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

Tiếp tục thực hiện đề án giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Đầu tư trang bị máy móc thiết bị phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại hoá.

Huy động mọi nguồn vốn của các tổ chức gồm: ngân hàng, quỹ đầu tư tài chính, vốn nhà nước hoặc mở rộng hình thức liên doanh, liên kết để thực hiện các dự án. Ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty tiếp tục tuân thủ chặt chẽ chủ trương của Nhà nước trong việc nắm giữ, thoái vốn trong tương lai. Hướng tới việc hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, kinh doanh có hiệu quả, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế-xã hội cho tỉnh nhà.

7.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2016-2018

7.2.1. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản

Nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2016 - 2018, Công ty đẩy mạnh thực hiện một số các giải pháp đầu tư nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hoàn thành tốt mục tiêu đã đề ra. Các nội dung đầu tư như sau:

TT	Tên công trình	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
DỰ ÁN QUY HOẠCH					
1.	Quy hoạch tổng thể HTCN đô thị tỉnh Vĩnh Long năm 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Vốn NS)	<i>Triệu đồng</i>	1.900		
CÔNG TRÌNH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC					
1.	Mạng đường ống phân phối, dịch vụ	<i>Triệu đồng</i>	6.995	6.598	7.449
CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NÂNG CÔNG SUẤT CÁC HỆ THỐNG CẤP NƯỚC					
1.	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng công suất cụm xử lý NMN Vũng Liêm từ 1.500 m ³ /ngđ lên 5.000m ³ /ngđ	<i>Triệu đồng</i>	14.000	14.500	5.800
2.	Đầu tư xây dựng phần công nghệ, điện trạm bơm nước thô NMN Trường An, công suất: 20.000m ³ /ngđ	<i>Triệu đồng</i>	7.000	3.500	1.400
3.	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng công suất cụm xử lý NMN Trà Ôn từ 2.400m ³ /ngđ lên 5.000m ³ /ngđ	<i>Triệu đồng</i>	6.000	5.000	2.000

TT	Tên công trình	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
MUA SẴM MÁY MÓC THIẾT BỊ					
1.	Nâng cấp phần mềm GIS trong quản lý, vận hành mạng lưới đường ống cấp nước	Triệu đồng	400	-	-
2.	Ứng dụng công nghệ SCADA trong quản lý vận hành các hệ thống cấp nước	Triệu đồng	1.000	1.000	1.000
3.	Các phần mềm quản lý	Triệu đồng	500	-	-
TỔNG CỘNG			37.795	30.598	17.649

7.2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm sau cổ phần hoá giai đoạn 2016-2018 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM		
			2016	2017	2018
1	Sản lượng (tiêu thụ)	Triệu m ³	13,489	14,164	14,872
2	Doanh thu	Triệu đồng	109.594	118.661	128.519
	Trong đó, giá bán nước sạch bình quân:	Đồng/m ³	7.500	7.800	8.100
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	85.010	92.265	100.084
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.584	26.395	28.436
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	4.917	5.279	5.687
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	19.667	21.116	22.748
7	Phân chia lợi nhuận sau thuế				
7.1	Quỹ thưởng Ban Điều hành 2%	Triệu đồng	393,34	422,33	454,97
7.2	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh 15%	Triệu đồng	2.950,07	3.167,45	3.412,26
7.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi 20%	Triệu đồng	3.933,42	4.223,26	4.549,69
7.4	Chia cổ tức	Triệu đồng	12.390,28	13.303,28	14.331,51

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM		
			2016	2017	2018
8	Tỷ suất cổ tức/Vốn cổ phần	%	4,3	4,6	5,0
9	Thu nhập người lao động (người/tháng)	Triệu đồng	7,7	8,2	8,8
10	Số lao động bình quân trong năm	Người	285	290	295

7.3. Giải pháp thực hiện

Để đạt được những định hướng, mục tiêu và thực hiện thành công chiến lược phát triển nêu trên, Công ty CP sẽ tiến hành các giải pháp sau:

7.3.1. Về tổ chức bộ máy Công ty cổ phần

Sau khi cổ phần hóa, Công ty CP sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc. Việc thành lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về công ty cổ phần. Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty CP cũng sẽ được sắp xếp, tinh giảm ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty CP thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty CP.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch, dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty CP, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp, đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Sắp xếp lại và củng cố một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ

sản xuất kinh doanh của Công ty CP.

- Chú trọng công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới. Hoạt động này nhằm bố trí, sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường và tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty CP.

7.3.2. Về sản xuất kinh doanh

Để đạt được những mục tiêu và thực hiện được chiến lược nêu trên, Công ty CP sẽ tiến hành các biện pháp sau:

*** Biện pháp quản lý sản xuất:**

- Quản lý vận hành tốt các nhà máy sản xuất: Thực hiện có hiệu quả công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật Tài nguyên nước.

- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

*** Biện pháp quản lý doanh thu và chi phí**

- Hoàn chỉnh các thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước giai đoạn 2015-2020, phối hợp với các địa phương để mở rộng vùng phục vụ để phát triển mạng lưới cấp nước nhằm tăng lượng khách hàng sử dụng nước, tăng cường quản lý khách hàng tiềm năng.

- Hạch toán bảo đảm tính đúng, tính đủ các khoản mục chi phí sản xuất vào giá thành nước như: chi phí đầu nối hộ khách hàng theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP, chi phí duy trì đầu nối, chi phí hoàn trả vốn vay, lãi vay, chi phí thực hiện cấp nước an toàn, ...

- Xây dựng và trình phê duyệt lộ trình điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch nhằm giúp Công ty CP chủ động trong việc thực hiện các kế hoạch đầu tư và đảm bảo giá tiêu thụ nước sạch được điều chỉnh kịp thời khi giá vật tư, nguyên liệu sản xuất đầu vào, tiền lương, ... có biến động tăng nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt công tác dịch vụ, chăm sóc khách hàng, khuyến khích người tiêu dùng gia tăng tiêu thụ; thực hiện quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

*** Biện pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc phòng chống thất thoát nước**

Tích cực thực hiện công tác phòng, chống thất thoát, thất thu nước sạch bằng các biện pháp cụ thể như:

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định đầu vào, kiểm định định kỳ; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.
- Khai thác, sử dụng tối đa phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.
- Xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước cho từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc bảo vệ tài sản mạng đường ống cấp nước và phòng chống thất thoát nước.
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực và xử lý sự cố, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.

*** Các biện pháp tiết kiệm chi phí khác:**

- Thực hiện tốt các bước trong quy trình xây dựng cơ bản, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.
- Chống lãng phí về thời gian lao động: xây dựng định mức, định biên lại các công việc tại các Phòng, Ban, Đội để giảm chi phí và tăng thu nhập.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và quản lý nhằm giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao động thời vụ; tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán chi phí cho các Chi nhánh, Xí nghiệp, Nhà máy.
- Xây dựng các quy chế về quản lý và sử dụng tài sản, vốn của doanh nghiệp.

8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

8.1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là: 289.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín tỷ đồng), trong đó:

- Giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ: 184.960.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 64%.

- Giá trị CP bán ưu đãi cho người lao động: 8.936.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 3,09%.
- Giá trị CP bán cho các nhà đầu tư chiến lược: 43.350.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 15%.
- Giá trị cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 51.754.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 17,91%.

8.2. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần

Trong năm đầu tiên sau cổ phần hoá (2016), Công ty có kế hoạch duy trì mức vốn điều lệ là 289 tỉ đồng bằng mức vốn điều lệ khi cổ phần hoá. Trong những năm về sau tùy theo nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng nhà máy, phát triển mạng phân phối, Công ty sẽ xem xét phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

9. Rủi ro dự kiến

9.1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Tuy nhiên, những dự báo tích cực từ IMF và FED về nền kinh tế toàn cầu. tiềm năng kinh tế của Việt Nam nói riêng. Cộng với việc ngành nước mang tính đặc thù độc quyền ngành trên địa bàn tỉnh, ít chịu sự cạnh tranh, Công ty dự báo rủi ro kinh tế có ảnh hưởng rất thấp tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần. hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định,... liên quan đến chương trình cổ phần hóa và Luật doanh nghiệp 2014, Thuế doanh nghiệp do Nhà nước ban hành. Rủi ro pháp luật xảy ra không chỉ gây ảnh hưởng lớn tới công ty, mà còn tới toàn bộ các đơn vị khác đang hoạt động trong

cùng ngành nghề. Đây là rủi ro hệ thống, không thể tránh. Nhưng Ban lãnh đạo luôn quan tâm theo dõi để giảm thiểu những rủi ro .

9.3. Rủi ro đặc thù ngành

- *Rủi ro thất thoát:* Nước sạch là một mặt hàng đặc biệt, nhu cầu ít biến động khi nền kinh tế bị suy thoái và đặc biệt tăng nhanh khi nền kinh tế phục hồi, tốc độ đô thị hóa cao, sử dụng trước thanh toán sau.

Tuy nhiên, do việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ gây vỡ đường ống cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch bằng cách khoan thẳng vào mạng đường ống, lắp đặt ống riêng để sử dụng không qua đồng hồ hoặc can thiệp vào hệ thống đo đếm của đồng hồ cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát nước và gây nguy hại cho đường ống chính, có thể gây vỡ, rò rỉ nước.

- *Rủi ro đầu vào sản xuất:* Một doanh nghiệp sản xuất nước sạch chịu sự ảnh hưởng lớn của hai yếu tố chính là nước thô và nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là các hóa chất, không chiếm nhiều tỷ trọng trong giá vốn. Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước. Với nguồn nước chính là nước mặt từ các con sông nên rất dễ chịu tác động tiêu cực của các hoạt động sản xuất nông nghiệp làm ô nhiễm nguồn nước. Đặc biệt trong những năm gần đây, do biến đổi khí hậu nên thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài, nguồn nước sông bị xâm nhập mặn. Ngoài ra, với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa hiện nay, nguồn nước còn chịu rủi ro ô nhiễm lớn từ các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

- *Rủi ro giá đầu ra:* Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước. Các doanh nghiệp cấp nước phải tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Đặc biệt, giá nước luôn được Nhà nước quan tâm và điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước bằng cách ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực trên phạm vi cả nước. Với khung giá nước được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem là hạn chế trong việc đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp cấp nước.

9.4. Rủi ro của đợt chào bán

Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi

phục, các chỉ số chứng khoán như VN-Index, HNX-Index đang ở mức thấp và nhiều biến động theo diễn biến của thị trường thế giới cũng như tâm lý nhà đầu tư,... sẽ có những ảnh hưởng đáng kể tới đợt chào bán ra công chúng của công ty.

9.5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

10. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

10.1. Phương thức bán

10.1.1. Đối với người lao động

a. Cổ phần bán cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Công ty mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

- Tổng số viên chức và người lao động có tên trong danh sách lao động Công ty CP ngày 21/10/2015 (thời điểm UBND tỉnh Vĩnh Long công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long để cổ phần hóa) là: 281 người. Trong đó, tổng số viên chức và người lao động được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 275 người và 06 người không đủ điều kiện được mua (không đủ thời gian công tác tối thiểu 01 năm).

- Tổng số cổ phần viên chức và người lao động được mua theo quy định của hình thức này là 376.900 cổ phần với tổng mệnh giá là: 3.769.000.000 đồng, chiếm 1,3 % vốn điều lệ Công ty CP.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho viên chức và người lao động: Việc triển khai bán cổ phần cho viên chức và người lao động sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.

- **Giá bán:** bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

b. Cổ phần viên chức và người lao động mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty CP và các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao

- Công ty CP có 213 viên chức và người lao động đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là 516.700 cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là: 5.167.000.000 đồng, chiếm 1,79% vốn điều lệ Công ty CP.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho viên chức và người lao động: Việc triển khai bán cổ phần cho viên chức và người lao động sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.

- **Giá bán:** bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

10.1.2. Đối với nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ theo Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt tiêu chí, điều kiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo tiêu chí sau:

- Tiêu chí để trở thành nhà đầu tư chiến lược:

+ Nhà đầu tư chiến lược là các doanh nghiệp trong nước (100% vốn trong nước);

+ Có vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu 60 tỉ đồng (sáu mươi tỉ đồng); đồng thời chứng minh có đủ nguồn vốn góp tham gia mua cổ phần;

+ Có lợi nhuận sau thuế dương khi đăng ký tham gia nhà đầu tư chiến lược (được thể hiện trên báo cáo tài chính được kiểm toán ít nhất 02 năm liền kề gần nhất);

+ Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần.

- Điều kiện để trở thành nhà đầu tư chiến lược:

+ Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty cổ phần, hỗ trợ Công ty cổ phần về: Phát triển thị trường; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; cung ứng nguyên vật liệu; chuyển giao công nghệ mới, hiện đại,... ưu tiên các đối tác có năng lực về kỹ thuật, đặc biệt là kỹ thuật trong lĩnh vực cấp nước.

+ Không chuyên nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần.

+ Không thực hiện các giao dịch nào với Công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của Công ty cổ phần.

- Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: Tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là 4.335.000 cổ phần, tương ứng 43.350.000.000 đồng theo mệnh giá (*bốn mươi ba tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*), chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty CP.

- Thời gian thực hiện bán cho nhà đầu tư chiến lược: Việc triển khai bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.

- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ và Khoản 4, Điều 5, Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính quy định giá bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược do Ban Chi đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Nguyên tắc tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

+ Trường hợp có tối đa 03 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược thì Ban Chi đạo cổ phần hoá tiến hành thỏa thuận về số cổ phần bán ra, giá bán cổ phần, báo cáo UBND tỉnh Vĩnh Long phê duyệt hoặc quyết định theo ủy quyền của UBND tỉnh Vĩnh Long.

+ Trường hợp có tối đa 03 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, nếu số cổ phần các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho nhà đầu tư chiến lược hoặc trường hợp có trên 03 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì phải tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược.

+ Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

+ Trên cơ sở xét duyệt các tiêu chí nhà đầu tư chiến lược của UBND tỉnh Vĩnh Long và sau khi làm việc với các đối tác, Ban Chi đạo Cổ phần hóa lựa chọn và đề xuất danh sách nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần lần đầu, trình UBND tỉnh quyết định.

10.1.3. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá

Số cổ phần thực hiện bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài theo mệnh giá là: 5.175.400 cổ phần, tương ứng: 51.754.000.000 đồng (*năm mươi một tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu đồng*), chiếm 17,91% vốn điều lệ.

- Giá bán khởi điểm dự kiến: **10.100 đồng/cp.**

- Thời gian chào bán: Dự kiến tháng 04/2016.

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước.

10.2. Phương thức thanh toán

10.2.1. Đối với người lao động

- Người lao động đăng ký mua tại Công ty và nộp tiền tại phòng Kinh tế - kế hoạch của Công ty hoặc nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

- Thời điểm đăng ký mua: Dự kiến tháng 04/2016.

- Thông tin tài khoản phong tỏa:

+ Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

+ Số tài khoản: 73010000982808

+ Tại: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Long.

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng ký mua.

10.2.2. Đối với nhà đầu tư chiến lược

Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán cổ phần, nhà đầu tư chiến lược phải chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

10.2.3. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá công khai

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá cổ phần, các nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn tất việc mua bán cổ phần và chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo quy định tại Quy chế bán đấu giá.

11. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là “*Bán bớt một phần vốn nhà nước và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ*”,

Tổng số tiền bán cổ phần dự kiến thu được là: **103.557.724.000** đồng (với giá khởi điểm là 10.100 đ/cp, bao gồm tiền thu được từ việc bán bớt một phần vốn nhà nước và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của VWACO).

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, số tiền thu được từ bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước sau khi trừ chi phí chuyển đổi, chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư được nộp về cho nhà nước theo quy định.

Phần công ty phát hành thêm (tính theo mệnh giá là **641.294.526** đồng) sẽ được công ty sử dụng để thực hiện đầu tư các dự án theo kế hoạch.

III. KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu đã được soát xét do Công ty cung cấp và được Ban chỉ đạo CPH thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đầu giá mua cổ phần của Công ty.

Trân trọng./.

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 2 năm 2016

DD DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ
CTY TNHH MTV CẤP NƯỚC VĨNH LONG

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hoàng Hoa



GIÁM ĐỐC

Dặng Tấn Chiến